

Phụ lục 98

BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẮK WIL

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	73	58	47	36
2	Đất trồng cây lâu năm	108	76	52	44
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	37	31	27	23

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đất ở:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Trục đường chính (đường nhựa)	
	Từ ranh giới xã Nam Dong đến ngã 4 thôn Thanh Tâm - 150m	898
	Từ ngã 4 thôn Thanh Tâm - 150m đến ngã 3 Trạm xá xã	1.180
	Từ ngã 3 Trạm xá xã đến ngã 3 thôn Tân Sơn	695
	Từ ngã 3 thôn Tân Sơn đến ranh giới thôn 1	445
	Từ giáp ranh xã Ea Pô cũ đến cách ngã 3 nhà ông Dục + 50m	355

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ cách ngã 3 nhà ông Dục + 50m đến cách ngã 3 nhà ông Dục - 50m	620
	Từ cách ngã 3 nhà ông Dục - 50m đến Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	549
	Từ Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đến bưu điện văn hoá xã	794
	Từ cổng chợ Đắc Wil (Km 0) về 2 phía mỗi phía 150m	952
	Từ bưu điện văn hóa xã đến ngã 3 nhà ông Thạch	390
	Từ ngã 3 nhà ông Thạch đến đầu nghĩa địa thôn 9	360
	Từ đầu nghĩa địa thôn 9 đến hết thôn 9	320
	Từ ngã 3 nhà ông Dục đến ngã 3 nhà ông Dục + 200m	220
	Từ ngã 3 nhà ông Dục + 200m đến hết ngã 6	225
	Từ ngã 3 chợ đến ngã 3 thôn Hà Thông, Thái Học	526
	Từ ngã 3 thôn Hà Thông, Thái Học đến giáp xã Nam Dong	260
	Từ ngã 3 nhà ông Đề đến giáp xã Nam Dong	230
	Từ ngã 3 nhà ông Tư đến hết cổng trường THPT	230
2	Trục đường chính (đường đất đường đi buôn Nui)	
	Từ ngã 4 thôn Thanh Tâm đến ngã 3 nhà ông Lộc	465
	Từ ngã 3 nhà ông Lộc đến đường đi buôn Nui (ngã 3 cây mít)	340
3	Đường trục chính đi buôn Nui (Nam Dong đi buôn Nui)	
	Từ ranh giới xã Nam Dong đến mốc địa giới 3 mặt bờ sông	225
4	Đường đi thôn Trung Sơn	
	Từ ngã 3 nhà ông Lộc đến ngã 4 thôn Trung Sơn	406
	Từ ngã 4 thôn Trung Sơn đến ngã 3 nhà ông Tuất	330
5	Đường đi thác Lin Đa	
	Từ ngã 3 Trạm Y tế xã (thôn 4) đến ngã 3 thôn Phú Sơn cũ	490
6	Đường đi thôn Nam Tiến	
	Từ ngã 3 thôn Tân Sơn đến ngã 3 nhà ông Tuất	348
	Từ ngã 3 nhà ông Tuất đến ngã 3 thôn Suối Tre	340
7	Đường Thanh Xuân đi thôn Tân Tiến	
	Từ ngã 3 Thanh Xuân đến ngã 4 Tân Tiến	355
8	Đường đi thôn Hợp Thành	
	Từ ngã 3 thôn Hợp Thành đến hết nhà ông Nghiệp	180
9	Đường đi ngã sáu	
	Từ hết ngã sáu đến đường vào khu 3 tầng	150
10	Đường đi thôn Thanh Xuân	
	Từ Km 0 ngã 4 thôn Thanh Tâm đến Km 0 + 150m (nhà ông Chắt)	830
	Từ Km 0 + 150m đến hết khu dân cư	410
	Từ ngã 4 Phú Sơn cũ đến ngã 3 nhà ông Đậu	320

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
11	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn buôn (xã Ea Pô cũ)	220
12	Khu tái định cư Cồn Dầu	150
13	Tái định cư Thủy điện Sê Rê Pôk 3	219
14	Đất ở các khu dân cư còn lại (xã Ea Pô cũ)	103
15	Đất ở khu dân cư các trục đường xương cá chính vào thôn buôn (xã Đăk Wil cũ)	161
16	Đất ở khu dân cư còn lại	115

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất TMDV	Giá đất CSSXPNN	Giá đất HĐKS
1	Trục đường chính (đường nhựa)			
	Từ ranh giới xã Nam Dong đến ngã 4 thôn Thanh Tâm - 150m	718	629	629
	Từ ngã 4 thôn Thanh Tâm - 150m đến ngã 3 Trạm xá xã	944	826	826
	Từ ngã 3 Trạm xá xã đến ngã 3 thôn Tân Sơn	556	487	487
	Từ ngã 3 thôn Tân Sơn đến ranh giới thôn 1	356	312	312
	Từ giáp ranh xã Ea Pô cũ đến cách ngã 3 nhà ông Dục + 50m	284	249	249
	Từ cách ngã 3 nhà ông Dục + 50m đến cách ngã 3 nhà ông Dục - 50m	496	434	434
	Từ cách ngã 3 nhà ông Dục - 50m đến Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	439	384	384
	Từ Trường Tiểu học Lê Quý Đôn đến bưu điện văn hoá xã	635	556	556
	Từ cổng chợ Đăk Wil (Km 0) về 2 phía mỗi phía 150m	762	666	666
	Từ bưu điện văn hóa xã đến ngã 3 nhà ông Thạch	312	273	273
	Từ ngã 3 nhà ông Thạch đến đầu nghĩa địa thôn 9	288	252	252
	Từ đầu nghĩa địa thôn 9 đến hết thôn 9	256	224	224
	Từ ngã 3 nhà ông Dục đến ngã 3 nhà ông Dục + 200m	176	154	154
	Từ ngã 3 nhà ông Dục + 200m đến hết ngã 6	180	158	158
	Từ ngã 3 chợ đến ngã 3 thôn Hà Thông, Thái Học	421	368	368
	Từ ngã 3 thôn Hà Thông, Thái Học đến giáp xã Nam Dong	208	182	182
	Từ ngã 3 nhà ông Đề đến giáp xã Nam Dong	184	161	161
	Từ ngã 3 nhà ông Tư đến hết cổng trường THPT	184	161	161
2	Trục đường chính (đường đất đường đi buôn Nui)			
	Từ ngã 4 thôn Thanh Tâm đến ngã 3 nhà ông Lộc	372	326	326
	Từ ngã 3 nhà ông Lộc đến đường đi buôn Nui (ngã 3 cây mít)	272	238	238
3	Đường trục chính đi buôn Nui (Nam Dong đi buôn Nui)			